

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2021

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Đức

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-9-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24-9-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTTM; địa chỉ: Số 178 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Bị đơn: Anh DVT; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 178 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội D, phân trại E Trại giam F (địa chỉ trụ sở: Xã G, huyện H, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04-5-2021 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTTM trình bày:

Chị NTTM và anh DVT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng từ ngày 18-11-2002. Trong thời gian chung sống, chị NTTM và anh DVT đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không

hợp nhau. Năm 2016, anh DVT gây tai nạn giao thông, nên đã phải chấp hành hình phạt tù là 39 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Chị NTTM vẫn cho anh DVT cơ hội, để khi anh DVT ra tù, hai vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình và chăm sóc con cái. Nhưng sau khi ra tù, chị NTTM và anh DVT ngày càng có nhiều mâu thuẫn phát sinh. Hai bên thường xảy ra cãi vã, to tiếng, không có tiếng nói chung. Nhưng vì hai con chung, nên chị NTTM vẫn nhẫn nhịn chịu đựng, để các con có bố có mẹ. Nhưng đến khoảng tháng 10 năm 2020, anh DVT bị bắt vì phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nên bị xử phạt 30 tháng tù. Hiện nay, anh DVT đang chấp hành hình phạt tù tại Đội D, phân trại E Trại giam F. Do cuộc sống chung giữa chị NTTM và anh DVT không hạnh phúc, anh DVT lại phạm tội về ma túy, nên chị NTTM đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết được ly hôn với anh DVT.

Về con chung: Có 02 con chung là I, sinh ngày 03-10-2004 và J, sinh ngày 11-10-2006. Hiện các con chung đang sống cùng chị NTTM, do chị NTTM chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại, anh DVT đang phải chấp hành hình phạt tù, nên chị NTTM đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị NTTM không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị NTTM không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh DVT trình bày như sau: Anh DVT và chị NTTM xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh DVT và chị NTTM sinh sống tại nhà số 178 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống, anh DVT và chị NTTM có quan điểm sống không hợp nhau. Đến khoảng tháng 10 năm 2020, anh DVT phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên bị xử phạt 30 tháng tù. Nay chị NTTM đề nghị ly hôn với anh DVT, anh DVT không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng không giải quyết yêu cầu đề nghị ly hôn của chị NTTM.

Tại bản tự khai, anh DVT không trình ý kiến của mình về vấn đề con chung và tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị NTTM đề nghị Tòa án không hòa giải tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh DVT tại Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đề ngày 13-8-2021. Bị đơn là anh DVT hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam F. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về

quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định tại các điều 28, 35, 39, 48, 49, 97, 203, 220, 227, 228 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt, vì đang phải chấp hành hình phạt tù. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 178 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam F. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Về nội dung:

[3] Xét thấy, chị NTTM và anh DVT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị NTTM và anh DVT đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Năm 2016, anh DVT phạm tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, nên bị xử phạt 39 tháng tù. Chị NTTM vẫn cho anh DVT cơ hội, để khi anh DVT ra tù, hai vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình và chăm sóc con cái. Nhưng sau khi ra tù, hai bên ngày càng có nhiều mâu thuẫn phát sinh, thường xảy ra cãi vã, to tiếng, không có tiếng nói chung. Đến khoảng tháng 10 năm 2020, anh DVT phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nên bị xử phạt 30 tháng tù. Hiện nay, anh DVT đang chấp hành hình phạt

tù tại Trại giam F. Do cuộc sống chung giữa chị NTTM và anh DVT không hạnh phúc, anh DVT lại phạm tội về ma túy, nên chị NTTM đề nghị được ly hôn với anh DVT. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị NTTM được ly hôn với anh DVT là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là I, sinh ngày 03-10-2004 và J, sinh ngày 11-10-2006. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại bản tự khai, bị đơn không trình ý kiến của mình về vấn đề con chung. Hiện tại 02 con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng mẹ là chị NTTM. Xét thấy, việc giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung là I và J cho chị NTTM trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[5] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTTM không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh DVT không trình ý kiến của mình về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Anh DVT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị NTTM cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh DVT trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, anh DVT lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị NTTM có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh DVT theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung: Chị NTTM không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh DVT không trình ý kiến của mình về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, thì có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NTTM và anh DVT được ly hôn.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là I, sinh ngày 03-10-2004 và J, sinh ngày 11-10-2006 cho chị NTTM trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung.

4. Về án phí: Chị NTTM phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0010192, ngày 13-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTTM đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, C, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền